TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NẬM PỒ** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HS-ST
Ngày: 16-3-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NẬM PỒ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Sao

C*ác Hội thẩm nhân dân:* Ông Lò Văn Tuấn và ông Nguyễn Văn Tiếp

- Thư ký phiên tòa: Ông Lò Văn Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Tiến Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điên Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2020/TLST-HS ngày 30/11/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-HS ngày 01/02/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/HSST-QĐ, ngày 15/02/2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Tráng A T; sinh ngày 10/3/1978 tại huyện M, tỉnh Yên Bái; Nơi cư trú: Bản T2, xã B, huyện N, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm nương; Trình độ học vấn: Không; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tráng Chừ S (đã chết) và bà G Thị D; bị cáo có vợ là Hờ Thị S và 05 con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày ngày 03/3/2020 cho đến nay, có mặt.

2. Họ và tên: Tráng A G, sinh năm 1976 tại huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái; Nơi cư trú: Bản T2, xã B, huyện N, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm nương; Trình độ học vấn: Không; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tráng Chừ S (đã chết) và bà G Thị D; Bị cáo có vợ là Mùa Thị C và 03 con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày ngày 14/10/2020 cho đến nay, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Tráng A T:* Bà Lê Thị Thúy An, sinh năm 1988 là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Tráng A G:* Bà Nguyễn Thị Thu Huyền, sinh năm 1992 là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Tráng A S, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Bản T2, xã B, huyện N, tỉnh Điện Biên, có mặt;

2. Ông Cháng A D, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Bản B 3, xã B, huyện N, tỉnh Điện Biên, có mặt;

3. Ủy ban nhân dân xã B, huyện N, tỉnh Điện Biên

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cháng A D, chức vụ: Chủ tịch, có mặt.

Địa chỉ: Bản B 3, xã B, huyện N, tỉnh Điện Biên.

- *Những người làm chứng:*

1. Ông Thào Chứ M, sinh năm 1968, vắng mặt.

Địa chỉ: Bản N2, xã B, huyện N, tỉnh Điện Biên.

2. Ông Vàng A G1, sinh năm 1963, vắng mặt.

3. Ông Giàng A G, sinh năm 1976, vắng mặt.

4. Ông Tráng A L, sinh năm 1997, vắng mặt.

5. Ông Giàng A C, sinh năm 1970, vắng mặt.

6. Ông Giàng A K, sinh năm 1977, vắng mặt.

7. Ông Thào A K1, sinh năm 1974, vắng mặt.

8. Ông Giàng A L1, sinh năm 1981, vắng mặt.

9. Bà Hờ Thị S, sinh năm 1984, vắng mặt.

10. Bà Mùa Thị C, sinh năm 1977, vắng mặt.

11. Bà Mùa Thị S1, sinh năm 1989, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Bản T2, xã B, huyện N, tỉnh Điện Biên.

- *Người phiên dịch tiếng Mông:* Ông Hồ A D; địa chỉ: bản H, xã K, huyện N, tỉnh Điện Biên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/4/2019, tổ công tác của Đội kiểm lâm cơ động và phòng cháy, chữa cháy rừng thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Điện Biên thực hiện kế hoạch kiểm tra tại bản T2, xã B, huyện N, tỉnh Điện Biên đã phát hiện 43 lóng, cột gỗ tròn, đường kính trung bình từ 40 cm đến 65 cm, chiều dài từ 02 mét đến 08 mét, có tổng khối lượng là 57,856 mét khối (m^3) tại lán của Tráng A T và nhà cũ bỏ hoang của Tráng A G. Sau khi phát hiện vụ việc, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Điện Biên đã làm việc với chính quyền địa phương, xác định được số gỗ trên là của

Tráng A T, Tráng A G và Tráng A S cùng trú tại bản T2, xã B, huyện N, tỉnh Điện Biên. Trong đó của Tráng A T là 14 lóng, cột, của Tráng A G 15 lóng, cột và của Tráng A S 14 lóng, cột. Ngày 10/9/2019 Chi cục Kiểm lâm tỉnh Điện Biên đã khởi tố vụ án hình sự về tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản. Ngày 11/9/2019 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã chuyển vụ án hình sự đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, tỉnh Điện Biên để điều tra theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, Tráng A T, Tráng A G và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tráng A S đều khai nhận như sau: Trong một lần ăn cơm tại nhà Tráng A G vào năm 2009, G có nói chuyện với Tráng A T (là em trai ruột của G) và Tráng A S (là chú họ của G) là G định đi phát quả đồi ngay cạnh nhà để làm nương, trên đồi có nhiều cây gỗ to thích hợp để làm nhà, ai muốn giữ gỗ thì tự đi chặt lấy nếu không phát nương đốt đi thì phí. Sau đó, trong khoảng thời gian từ năm 2009 đến năm 2013, Tráng A G, Tráng A T và Tráng A S không làm thủ tục xin phép cơ quan có thẩm quyền mà tự ý mang búa rìu tới khu vực đồi cạnh nhà Tráng A G và Tráng A T để chặt hạ những cây gỗ to. Tráng A T, Tráng A G và Tráng A S không ai nói với ai, mỗi người tự thực hiện việc chặt cây và đẽo vỏ đối với những cây gỗ mà mình chọn. Mục đích T, G, S khai thác gỗ là để cất giữ sau này có điều kiện thì làm nhà ở.

Sau khi chặt hạ được các cây gỗ, Tráng A G đã sử dụng một chiếc máy Ba lăng xích và một cuộn dây cáp dài khoảng 100 mét để làm phương tiện kéo gỗ. Do các cột gỗ to, nặng nên Tráng A G đã nhờ Tráng A T, Tráng A S đổi công và thuê một số người khác kéo gỗ cho G. Tráng A G đã kéo được 15 cột gỗ, trong đó có 13 cột gỗ khai thác trong khoảng năm 2009 và 2010 tại khu vực đồi cạnh nhà G và T và 02 cột gỗ khai thác năm 2013 tại khu vực suối đầu nguồn N (cạnh quả đồi khai thác gỗ) về gần nhà G để cất giữ. Khi kéo gỗ đến đầu dốc gần nhà T, do nhà của G ở khu vực đồi cao, khó kéo gỗ lên được, G thấy gỗ của T đã xếp ở đó thành đống nên G đã xếp 14 lóng, cột gỗ cùng với đống gỗ của T. Còn 01 lóng, cột gỗ vào năm 2015 G kéo về ở khu vực suối đầu nguồn N, do lán chứa gỗ của T đã đầy, không còn chỗ để nên G đã để 01 lóng, cột gỗ vào nhà cũ bỏ hoang của G, khi đó cũng đã có 13 lóng, cột gỗ của Tráng A S đang cất giữ trong đó. Tổng số gỗ của Tráng A G tàng trữ là 15 lóng, cột gỗ tròn có tổng khối lượng là 20,245 m^3, trong đó cất giữ trong lán của T là 14 lóng, cột gỗ tròn có khối lượng 19,982 m^3, cất giữ tại nhà của bỏ hoang của G 01 lóng, cột gỗ tròn có khối lượng 0,263 m^3. Cũng trong thời gian đó Tráng A T sau khi chặt hạ được 14 lóng, cột gỗ, một mình không kéo được nên T đã mượn ba lăng xích và cuộn dây cáp của G, T đổi công kéo gỗ với G và S kéo 14 cột gỗ về đến đầu dốc gần nhà T. Khi kéo gỗ về T chưa làm lán chứa gỗ mà chỉ dựng 04 cột gỗ để cố định. Do thiếu cột gỗ ngắn để kê chiều ngang bên dưới nên T đã mượn 01 cột gỗ ngắn của Tráng A S kéo về để kê ngang xuống bên dưới cùng với 02 cột gỗ ngắn của T, rồi T xếp 11 lóng, cột còn lại lên 03 cột kê thành đống cùng với 14 lóng, cột gỗ của G, sau đó T làm lán, dựng mái che cho 29 cột gỗ. Trong đó, tổng số gỗ của Tráng A T tàng trữ là 14 lóng, cột gỗ tròn có tổng khối lượng là 19,458m^3.

Đối với Tráng A S, sau khi khai thác được 14 cột gỗ, S đã mượn ba lăng xích, cuộn dây cáp và đổi công kéo gỗ với G và T. S có ý định kéo gỗ về nhà nhưng do nhà S ở trên đồi cao không kéo lên được, khi đó thấy nhà của G đã bỏ hoang, không có ai sử dụng nên S đã tự ý cất giữ 13 cột gỗ trong nhà cũ bỏ hoang của G, còn 01 cột Tráng A T mượn để kê gỗ tại lán của T. Tổng số gỗ của Tráng A S tàng trữ là 14 lóng, cột, có tổng khối lượng là 18,153 m^3, trong đó cất giữ tại nhà cũ bỏ hoang của Tráng A G 13 lóng, cột có tổng khối lượng 16,779 m^3 và 01 cột cho Tráng A T mượn để kê gỗ bên dưới tại lán của T có khối lượng là 1,374 m^3.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 22/5/2019 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Điện Biên, xác định: *Tại vị trí cách nhà ông Tráng A T 7,5 m về phía Nam, cách đường mòn đất 01 m về phía Đông, có 01 lán làm bằng cột gỗ lợp prô xi măng rộng 7,1 m dài 7,9 m, trong lán này có 26 khúc gỗ tròn được đánh số bằng bút mực trắng lần lượt từ 01 đến 26… Qua đường mòn đất, cách lán này 38 m về phía Tây Nam có 01 nhà gỗ đã cũ lợp pro xi măng. Bên trong có 17 khúc gỗ tròn được đánh số bằng bút mực trắng từ 27 đến 43…*

Ngày 20/6/2019 Chi cục Kiểm lâm tỉnh Điện Biên đã lấy 43 mẫu vật của 43 lóng, khúc gỗ được đánh số hiệu trùng với số hiệu của 43 lóng, khúc gỗ tàng trữ thu giữ để gửi giám định. Tại Kết luận giám định số 303/CNR-TH ngày 01/7/2019 của Viện nghiên cứu công nghiệp rừng đã kết luận: Ký hiệu mẫu 07, 26 là gỗ Dẻ giáp (Tên khoa học Castanopsis armata); Ký hiệu mẫu từ 01 đến 06, từ 08 đến 25, từ 27 đến 43 là gỗ Chò xót (Vối thuốc răng cưa, Trín) (Tên khoa học Schima superba Gard. & Champ) (Schima crenata Korth) đều thuộc nhóm gỗ V trong *"Bảng phân loại tạm thời các loại gỗ sử dụng thống nhất trong cả nước"*. Hai loại Dẻ giáp (Castanopsis armata) và Chò xót (Schima superba), không có tên trong *"Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ"* ban hành kèm theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP, ngày 12/11/2013 và *"Danh mục thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm"* ban hành kèm theo Nghị định 06/2019/NĐ-CP, ngày 22/01/2019 của Chính phủ.

Tại Bản cáo trạng số 13/CT-VKSNP, ngày 07/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Tráng A T về tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 232 của Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2020/HS-ST, ngày 27/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên đã tuyên bố bị cáo Tráng A T phạm tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 232 của Bộ luật hình sự và xử phạt bị cáo 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngày 24/6/2020 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã ra quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-P7, đề nghị hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 19/2020/HS-ST, ngày 27/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 22/2020/HS-PT, ngày 07/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã chấp nhận kháng nghị số 01/QĐ-VKS-P7, ngày 24/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên. Hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2020/HS-ST, ngày 27/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên để điều tra lại. Cấp phúc thẩm nhận định: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các cơ quan tiến hành tố tụng của huyện N, tỉnh Điện Biên áp dụng trừ 10% khối lượng gỗ cất giữ là không chính xác dẫn đến bỏ lọt hành vi phạm tội. Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 22/5/2019 còn có sai sót. Bản án sơ thẩm nhận định số gỗ đã bị đốt cháy toàn bộ nhưng không có biên bản xác minh, biên bản hiện trường bị đốt trong hồ sơ. Do đó, cấp phúc thẩm không khắc phục được.

Sau khi nhận hồ sơ để điều tra lại, ngày 16/9/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N đã tiến hành kiểm đếm, xác định vị trí, số lượng vật chứng tại hiện trường như sau: Một lán có chứa gỗ bên trong đã bị cháy hoàn toàn không còn giá trị sử dụng…bên trong có 29 cột gỗ đã bị cháy trong lán (là vật chứng của vụ án, có bản ảnh kèm theo), trong đó gồm có 14 lóng, cột gỗ của Tráng A T, 14 lóng, cột của Tráng A G và 01 lóng, cột của Tráng A S… Qua đường mòn cách hiện trường thứ nhất 38 mét về phía Tây Nam có 01 nhà cũ bỏ hoang được lợp bằng pro xi măng có 14 cột gỗ tròn được đánh số từ 30 đến 43, trong đó có 01 cột của Tráng A G được đánh số 41, khối lượng 0,263 m^3 bị đốt cháy thành than đen, không còn giá trị sử dụng. Còn 13 cột gỗ tròn là của Tráng A S, trong đó có 02 cột cháy hoàn toàn không còn giá trị sử dụng là các cột được đánh số 39, 40; có 06 cột bị cháy xém là các cột được đánh số từ 33 đến 38; còn lại 05 cột được đánh số 30, 31, 32, 42, 43 không bị cháy. Tổng khối lượng gỗ bị đốt cháy là 51,394 m^3.

Tại bản cáo trạng số 64/CT-VKSNP, ngày 30/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố Tráng A T về tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản theo quy định tại điểm k khoản 2 Điều 232 của Bộ luật hình sự; Tráng A G về tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 232 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Tráng A T và Tráng A G đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình phù hợp với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố các bị cáo.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ quyền công tố và kiểm sát xét xử luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Tráng A T và Tráng A G về tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm k khoản 2 Điều 232, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với bị cáo Tráng A T. Áp dụng điểm k khoản 1 Điều 232, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với bị cáo Tráng A G. Đề nghị xử phạt bị cáo Tráng A T từ 24 (hai mươi bốn) tháng tù đến 30 (ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách từ 48 (bốn mươi tám) tháng đến

60 (sáu mươi) tháng; xử phạt bị cáo Tráng A G 06 (sáu) tháng tù đến 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách từ 12 (mười hai) tháng đến 24 (hai mươi bốn) tháng. Không đề nghị giải quyết vật chứng. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Tráng A T và người bào chữa cho bị cáo Tráng A G đều nhất trí với luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật, mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo. Người bào chữa đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyên nhân, hoàn cảnh phạm tội của các bị cáo, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt các bị cáo mức thấp nhất theo đề nghị của Kiểm sát viên và cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo; Đề nghị miễn hình phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Các bị cáo Tráng A T, Tráng A G và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều nhất trí với nội dung bản cáo trạng, không có ý kiến tranh luận gì. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh và điều luật Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố đối với các bị cáo:

Tại phiên tòa các bị cáo Tráng A T, Tráng A G và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tráng A S đều khai nhận như sau: Ngày 10/4/2019 Tráng A T có hành vi tàng trữ trái phép 29 lóng, cột gỗ tròn có tổng khối lượng là 40,814 m^3 trong 01 lán làm bằng cột gỗ lợp mái pro xi măng, rộng 7,1 m dài 7,9 m do Tráng A T dựng lên, cách nhà ở của T 7,5 m tại bản T2, xã B, huyện N, tỉnh Điện Biên. Trong đó, của Tráng A T là 14 lóng, cột gỗ tròn (được Chi cục Kiểm lâm tỉnh Điện Biên đánh số các cột từ 12 đến 16 và từ 18 đến 26) có khối lượng 19,458 m^3, của Tráng A G là 14 lóng, cột gỗ tròn (là các cột được đánh số từ 01 đến 11 và các số 17, 27, 28) có khối lượng 19,982 m^3, của Tráng A S là 01 lóng, cột gỗ tròn có khối lượng 1,374 m^3 (là cột được đánh số 29). Toàn bộ 29 lóng, cột gỗ tròn tại lán của Tráng A T đều không có hồ sơ lâm sản hợp pháp. Trong nhà gỗ bỏ hoang của Tráng A G, cách lán tàng trữ gỗ của T 38 m, Tráng A S tàng trữ 13 lóng, cột gỗ tròn (là các cột được đánh số từ 30 đến 40 và các số 42, 43) có tổng khối lượng là 16,779 m^3, Tráng A G tàng trữ 01 cột gỗ tròn (là cột được đánh số 41) có khối lượng là 0,263 m^3. Tổng số lượng gỗ tàng trữ trong nhà bỏ hoang là 14 cột gỗ tròn, có tổng khối lượng 17,042 m^3 cũng đều không có hồ sơ lâm sản hợp pháp. Tổng số lượng gỗ tàng trữ trái phép tại lán của Tráng A T và nhà cũ bỏ hoang của Tráng A G là 43 lóng, cột gỗ tròn, có tổng khối lượng là 57,856 m^3 thuộc 02 loại gỗ Dẻ giáp (Tên khoa học Castanopsis armata) (gồm 02 lóng, cột gỗ được đánh số 07 và 26) và gỗ Chò xót (Vối thuốc răng cưa, Trín) (Tên khoa học Schima superba Gard. &Champ (Schima crenata

Korth) (gồm tất cả các lóng, cột gỗ còn lại) đều thuộc nhóm gỗ V trong *"Bảng phân loại tạm thời các loại gỗ sử dụng thống nhất trong cả nước"*. Hai loại Dẻ giáp (Castanopsis armata) và Chò xót (Schima superba) không có tên trong *"Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ*" ban hành kèm theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP, ngày 12/11/2013 và *"Danh mục thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm"* ban hành kèm theo Nghị định 06/2019/NĐ-CP, ngày 22/01/2019 của Chính phủ.

Nguồn gốc 43 lóng, cột gỗ tròn nói trên là do bị cáo Tráng A T, Tráng A G và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tráng A S tự mình dùng búa rìu khai thác từ 2009 đến năm 2013 tại khu vực đồi cạnh nhà của T và G và khu vực suối đầu nguồn N (cạnh đồi nhà T và G). Khi khai thác Tráng A T, Tráng A G, Tráng A S tự mình thực hiện việc chặt cây và đẽo vỏ đối với những cây gỗ đã chọn, không có sự trao đổi, bàn bạc, thống nhất với nhau và đều không làm thủ tục xin phép cơ quan có thẩm quyền. Mục đích các bị cáo và Tráng A S khai thác gỗ là để cất giữ sau này có điều kiện thì làm nhà ở. Một thời gian sau khi khai thác xong, các cột gỗ đã khô, các bị cáo và Tráng A S đã đổi công và thuê một số người khác kéo gỗ về cất giữ. Phương tiện dùng để kéo gỗ là máy ba lăng xích và cuộn dây cáp dài khoảng 100m của Tráng A G. Bị cáo Tráng A T mượn 01 cột gỗ của Tráng A S để kê bên dưới, sau đó xếp cùng với 14 cột gỗ của T thành đống, dựng 04 cột gỗ tại 04 góc để cố định các cột gỗ đã xếp. Tráng A G thấy gỗ của Tráng A T xếp thành đống thì cũng xếp 14 cột gỗ của G vào cùng đống gỗ của T. Sau đó, Tráng A T đã tự lợp mái prô xi măng để bảo quản 29 cột gỗ (gồm 14 cột của T, 14 cột của G và 01 cột của S). Tráng A S sau khi khai thác được 14 cột gỗ, S thấy nhà gỗ của Tráng A G bỏ hoang, không có người ở, nên đã tự ý cất giữ 13 cột gỗ tại đó, còn 01 cột gỗ của S cho T mượn để kê gỗ tại lán của T. Vào năm 2015, do lán chứa gỗ của T đã đầy, G đã mang 01 cột gỗ khai thác từ năm 2013 tại suối N cất giữ trong nhà cũ bỏ hoang của G cùng với 13 cột gỗ của S.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 22/5/2019 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Điện Biên, xác định tại lán của Tráng A T có 26 cột gỗ, tại nhà cũ bỏ hoang của Tráng A G có 17 cột gỗ là chưa phù hợp với thực tế hiện trường cũng như lời khai của các bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người chứng kiến. Để khắc phục sai sót nêu trên, ngày 03/9/2020, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Điện Biên đã có công văn số 917/CV-CCKL về việc đính chính biên bản khám nghiệm hiện trường là trong lán của Tráng A T có 29 khúc gỗ; trong nhà cũ bỏ hoang của Tráng A G có 14 khúc gỗ. Ngay sau khi sự việc lán chữa gỗ và nhà cũ bỏ hoang bị đốt cháy đêm ngày 14/9/2019, ngày 15/9/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã tiến hành khám nghiệm hiện trường; ngày 16/9/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N tiếp tục kiểm đếm, xác định vị trí, số lượng vật chứng tại hiện trường vụ án như sau: Một lán bên trong có chứa gỗ đã bị cháy hoàn toàn, không còn giá trị sử dụng (các cột gỗ bị cháy thành than đen nhưng vẫn còn hình dạng, có bản ảnh kèm theo), có 29 cột gỗ cháy tương ứng với 29 cột gỗ tròn trong lán… Tại nhà cũ bỏ hoang của Tráng A G có 14 cột gỗ (trong đó có 09 cột bị cháy đen không còn giá trị sử dụng, 05 cột không bị cháy còn nguyên vẹn, có bản ảnh kèm theo). Những

người chứng kiến tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 22/5/2019 và đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã B đều xác định, số gỗ tại lán của bị cáo Tráng A T là 29 cột; số gỗ tại nhà cũ bỏ hoang của Tráng A G là 14 cột. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định tại lán của Tráng A T có 29 lóng, cột gỗ tròn, có tổng khối lượng 40,814 m^3, tại nhà cũ bỏ hoang của Tráng A G có 14 lóng, cột gỗ tròn, có tổng khối lượng 17,042 m^3 là phù hợp với thực tế hiện trường cũng như lời khai của các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người chứng kiến.

Chi cục Kiểm lâm tỉnh Điện Biên, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã tiến hành đo tính số lượng, khối lượng gỗ tàng trữ của bị cáo Tráng A T, Tráng A G và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tráng A S 02 lần theo đúng quy định tại Điều 4 Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, giá trị chênh lệch giữa giá trị đo được của lần đo đầu tiên với lần đo thứ 02 là dưới 10%. Do đó, kết quả đo lần đầu tiên là đúng và làm căn cứ xử lý vi phạm. Kết quả đo lần đầu như sau: Tại lán của Tráng A T có 29 lóng, cột gỗ tròn, có tổng khối lượng là 40,814 m^3 (có bảng kê lâm sản kèm theo), trong đó gỗ của Tráng A T là 14 lóng, cột tròn có khối lượng 19,458 m^3, của Tráng A G là 14 lóng cột tròn có khối lượng 19,982 m^3, của Tráng A S là 01 lóng, cột tròn có khối lượng 1,374 m^3. Tại nhà gỗ bỏ hoang của bị cáo Tráng A G, có 14 lóng, cột gỗ tròn có tổng khối lượng là 17,042 m^3 (có bảng kê lâm sản kèm theo), trong đó của Tráng A S có 13 lóng, cột có tổng khối lượng là 16,779 m^3, của bị cáo G có 01 lóng, cột có khối lượng là 0,263 m^3. Mặc dù, số lượng gỗ thực tế của bị cáo Tráng A T là 14 cột gỗ tròn nhưng do bị cáo T đã cho bị cáo G xếp 14 cột gỗ tròn và mượn 01 cột gỗ tròn của Tráng A S để tại lán của T nên bị cáo Tráng A T phải chịu trách nhiệm về toàn bộ 29 cột gỗ tròn để trong lán của T có tổng khối lượng là 40,814 m^3. Đối với bị cáo Tráng A G phải chịu trách nhiệm về 14 cột gỗ của G tàng trữ tại lán của T và 01 cột gỗ G để tại nhà cũ bỏ hoang của G, có tổng khối lượng là 20,245 m^3. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Tráng A S tàng trữ 13 cột gỗ tròn tại nhà cũ bỏ hoang của bị cáo G và 01 cột gỗ tại lán của bị cáo T, có tổng khối lượng gỗ là 18,153 m^3 chưa tới mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường khai thác ngày 13/8/2019 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Điện Biên phát hiện 01 gốc cây mục cách nhà Tráng A T khoảng 200 m, có đường kính 40 cm, ngoài ra không phát hiện gốc cây lớn nào do sau khi khai thác xong các bị cáo đã đốt để làm nương và khai hoang ruộng. Đối chiếu với Bản đồ Quy hoạch ba loại rừng theo Quyết định 1208/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên, Chi cục Kiểm tỉnh Điện Biên lâm xác định vị trí các bị cáo và Tráng A S khai thác gỗ chưa phải là rừng nên không có cơ sở để xử lý về hành vi khai thác gỗ trái phép.

Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Tráng A T phạm tội Vi phạm quy định về khai thác bảo vệ rừng và lâm sản theo điểm k khoản 2 Điều 232 và bị cáo Tráng A G phạm tội Vi phạm quy định về khai thác bảo vệ rừng và lâm sản theo điểm k khoản 1 Điều 232 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng số 64/CT-

VKSNP, ngày 30/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại điểm k khoản 1 Điều 232 của Bộ luật hình sự quy định:

"*1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 243 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:…*

k) Tàng trữ, vận chuyển, chế biến hoặc mua bán trái phép từ 1,5 mét khối (m^3) đến dưới 03 mét khối (m^3) gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IA hoặc gỗ có nguồn gốc từ nước ngoài thuộc Phụ lục I Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; từ 10 mét khối (m^3) đến dưới 20 mét khối (m^3) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA hoặc gỗ có nguồn gốc từ nước ngoài thuộc Phụ lục II Công Ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; từ 20 mét khối (m^3) đến dưới 40 mét khối (m^3) gỗ loài thực vật rừng thông thường;…"

Tại điểm k khoản 2 Điều 232 của Bộ luật hình sự quy định:

"2.Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:…

Tàng trữ, vận chuyển, chế biến hoặc mua bán trái phép từ 03 mét khối (m^3) đến dưới 06 mét khối (m^3) gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IA hoặc gỗ có nguồn gốc từ nước ngoài thuộc Phụ lục I Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; từ 20 mét khối (m^3) đến dưới 40 mét khối (m^3) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA hoặc gỗ có nguồn gốc từ nước ngoài thuộc Phụ lục II Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; từ 40 mét khối (m^3) đến dưới 80 mét khối (m^3) gỗ loài thực vật rừng thông thường;…"

[2] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Hành vi của bị cáo Tráng A T gây ra là nghiêm trọng, có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn. Hành vi của bị cáo Tráng A G gây ra là ít nghiêm trọng, có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn. Hành vi tàng trữ trái phép gỗ của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, gây ảnh hưởng tới công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên rừng tại địa phương, là nguyên nhân gián tiếp gây ra thiệt hại về lâm sản và môi trường cho Nhà nước. Tuy trong vụ án có 02 bị cáo nhưng hành vi của bị cáo Tráng A T và bị cáo Tráng A G là độc lập, không có sự câu kết, phân công, bàn bạc thống nhất với nhau, các bị cáo tự thực hiện hành vi khai thác gỗ vì mục đích cá nhân của mỗi người, không có sự phân chia lợi ích. Khi khai thác gỗ, và đổi công kéo gỗ cho nhau các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tráng A S đều không

ai biết số gỗ mà người kia khai thác được và có hồ sơ lâm sản hợp pháp hay không. Khi cất giữ gỗ, bị cáo T tự mình lợp lán pro xi măng để bảo quản, bị cáo G cũng không quản lý, sử dụng nhà cũ bỏ hoang nên Tráng A S đã tự ý xếp gỗ, cơ quan điều tra cũng không chứng minh được giữa các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đồng phạm nên Hội đồng xét xử xác định trong vụ án không có sự đồng phạm. Do đó, cần phải xử phạt các bị cáo mức hành phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của mỗi bị cáo gây ra nhằm giáo dục, răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo Tráng A T và bị cáo Tráng A G luôn thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội. Tại phiên tòa, các bị cáo cũng đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Đối với bị cáo Tráng A G phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Tráng A T tại giai đoạn điều tra đã tích cực tố giác tội phạm, giúp đỡ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N phát hiện, bắt quả tang Thào A Mó đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 13/11/2020 Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, đã có Công văn số 131/CV-CSĐT đề nghị xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo Tráng A T theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ cho bị cáo Tráng A T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống tại khu vực biên giới, gia đình đông con và đều thuộc hộ nghèo, các bị cáo là lao động chính trong gia đình, hành vi tàng trữ trái phép lâm sản của các bị cáo xuất phát từ làm nhà bằng vật liệu gỗ của người Mông nên Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[4] Về nhân thân các bị cáo: Các bị cáo Tráng A G và Tráng A T là 02 anh em ruột, được sinh ra trong gia đình thuần nông lao động, sinh sống tại khu vực xã biên giới, không được học hành và không thông thạo tiếng phổ thông nên nhận thức xã hội nói chung và nhận thức pháp luật có nhiều hạn chế. Ngoài lần phạm tội này, các bị cáo đều chấp hành nghiêm chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Xét đề nghị xử phạt của vị đại diện Viện kiểm sát:

Các bị cáo Tráng A T và Tráng A G đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú, lý lịch rõ ràng, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự và có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, không nhất thiết

phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo, đây cũng là thể hiện sự khoan hồng của Đảng, pháp luật của Nhà nước ta đối với người phạm tội theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự và Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[6] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 4 Điều 232 Bộ luật Hình sự quy định *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"*, do đó các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy, mục đích các bị cáo tàng trữ gỗ để dựng nhà ở nhưng chưa có điều kiện để dựng nhà, các bị cáo có nghề nghiệp là làm nương, các bị cáo không có tài sản riêng, gia đình các bị cáo không có tài sản giá trị nên các bị cáo không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về vật chứng của vụ án:

Đối với vật chứng là Ba lăng xích và cuộn dây cáp của Tráng A G, dùng để kéo gỗ. Qua điều tra, xác minh Ba lăng xích và cuộn dây cáp Tráng A G đã cho em trai là ông Cháng A D mượn để kéo xe ô tô bị sa lầy vào năm 2018, sau đó ông Cháng A D cho ông Mùa A Phiềng mượn lại, ông Phiềng đã làm mất Ba lăng xích và cuộn dây cáp, cơ quan điều tra không thu giữ được nên không có cơ sở xem xét. Bị cáo Tráng A G không có yêu cầu gì đối với ông Cháng A D và ông Mùa A Phiềng về việc mất Ba lăng xích và cuộn dây cáp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với vật chứng là 02 chiếc búa rìu của Tráng A T và Tráng A G, 01 chiếc cưa xăng của Tráng A G, các bị cáo dùng để chặt, đẽo vỏ cây và cưa gỗ. Các bị cáo khai nhận đã làm mất 02 chiếc búa rìu, bị cáo Tráng A G đã bán sắt vụn chiếc cưa xăng do đã cũ, không sử dụng được, cơ quan điều tra không thu hồi được, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Đối với vật chứng của vụ án là 30 lóng, cột gỗ tròn có tổng khối lượng là 41,077 m^3, do khối lượng các lóng, cột lớn, đường đi lại khó khăn chưa thể vận chuyển ngay về Kho vật chứng của Công an huyện N để bảo quản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã bàn giao vật chứng cho chính quyền Ủy ban nhân dân xã B, huyện N quản lý theo Điều 90 của Bộ luật tố tụng hình sự là phù hợp. Tuy nhiên, ngày 14/9/2019 toàn bộ 30 cột gỗ này đã bị đốt cháy cùng với 08 cột gỗ khác. Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 15/9/2019 và biên bản kiểm đếm, xác định vị trí, số lượng vật chứng ngày 16/9/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N đã xác định: 29 cột gỗ trong lán của Tráng A T và toàn bộ lán chứa gỗ đã bị cháy thành than đen, không còn giá trị sử dụng và 01 cột gỗ của Tráng A G, 08 cột gỗ của Tráng A S cất giữ trong nhà cũ bỏ hoang đã bị đốt cháy, không còn giá trị sử dụng (có bản ảnh kèm theo). Tại Báo cáo kết quả khảo sát giá tài sản trong tố tụng hình sự, ngày 29/10/2019 và Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 62/KL-HĐĐGTS, ngày

30/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N đã kết luận: 47,225 m^3 gỗ Chò xót, loại gỗ tròn bị thiệt hại quy ra gỗ xẻ là 29,51 m^3; 4,169 m^3 gỗ Dẻ giáp, loại gỗ tròn, quy ra gỗ xẻ là 2,60 m^3. Tổng khối lượng gỗ tròn bị thiệt hại quy ra gỗ xẻ là 32,11 m^3 có giá trị 112.385.000 đồng. Do toàn bộ vật chứng đã bị tiêu hủy, không còn giá trị sử dụng, đại diện Viện kiểm sát không đặt vấn đề xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với hành vi đốt cháy gỗ có dấu hiệu của tội phạm, Cơ quan điều tra vẫn đang tiến hành điều tra, làm rõ, Hội đồng xét xử chưa có cơ sở xem xét.

[8] Xét đề nghị của người bào chữa: Tại phiên tòa những người bào chữa cho bị cáo Tráng A T và Tráng A G nhất trí với luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo. Những người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyên nhân, hoàn cảnh phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo và đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm, hình phạt bổ sung cho các bị cáo. Đề nghị của những người bào chữa là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên và người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người bào chữa đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Tráng A S là người tàng trữ 13 cột gỗ tại nhà cũ bỏ hoang của Tráng A G và 01 cột gỗ tại lán của Tráng A T, có tổng khối lượng gỗ là 18,153 m^3 chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Ngày 14/9/2019 số cột gỗ của Tráng A S cũng bị đốt cháy 08 cột, còn lại 05 cột không bị đốt cháy. Do vụ án bị hủy để điều tra lại, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N chưa chuyển hồ sơ tàng trữ trái phép gỗ của Tráng A S và Tráng A G đến cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Đối với Tráng A G đã bị xét xử về tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản trong vụ án này. Đối với Tráng A S, căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 57/2013/NĐ-CP, ngày 11/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, Hội đồng xét xử đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N chuyển hồ sơ và tang vật vi phạm tới cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án Cháng A D, sau khi bị phát hiện số lượng gỗ lớn, Cháng A D đã khai nhận số gỗ trên là của mình. Tuy nhiên, sau đó Cháng A D đã thay đổi lời khai là chỉ nhận hộ 02 anh trai là Tráng A T, Tráng A G và chú họ là Tráng A S để dễ xử lý vì Cháng A D là chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B. Cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ, việc thay đổi lời khai của Cháng A D phù hợp với lời khai của các bị cáo, lời khai

của Tráng A S và một số người làm chứng khác. Viện kiểm sát không đặt vấn đề xử lý, Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm của Cháng A D.

Đối với Ủy ban nhân dân xã B là chính quyền địa phương được giao quản lý vật chứng là 43 cột gỗ nhưng do địa bàn xa, đi lại khó khăn, lực lượng ở xã mỏng, khu vực các bị cáo tàng trữ gỗ là khu vực biên giới. Sự việc các cột gỗ bị đốt cháy xảy ra vào đêm tối, khó phát hiện dẫn đến vật chứng bị hủy hoại hết 38 cột, Viện kiểm sát không đặt vấn đề xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm.

Đối với những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng trước đó đều đã có lời khai ở Cơ quan điều tra, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án. Những người làm chứng đều không biết việc các bị cáo khai thác, tàng trữ gỗ không có có hồ sơ lâm sản hợp pháp, Viện kiểm sát không đặt vấn đề xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Tại phiên tòa các bị cáo Tráng A T và Tráng A G đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm cho cho các bị cáo. Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo là dân tộc thiểu số (dân tộc Mông) sống tại xã B, huyện N là xã có điều kiện - xã hội đặc biệt khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

[12] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm k khoản 1, điểm k khoản 2 Điều 232 của Bộ luật hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Tráng A T và Tráng A G phạm tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm k khoản 2 Điều 232, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với bị cáo Tráng A T. Xử phạt bị cáo Tráng A T 24 (hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 26/02/2021.

Áp dụng điểm k khoản 1 Điều 232, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với bị cáo Tráng A G. Xử phạt bị cáo Tráng A G 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 26/02/2021.

Giao bị cáo Tráng A T và bị cáo Tráng A G cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện N, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo Tráng A T và Tráng A G có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Tráng A T và Tráng A G.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 26/02/2021./.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA - TA tỉnh Điện Biên;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh Điện Biên
- Cơ quan CSĐT CA huyện N;
- Cơ quan THAHS CA N;
- Nhà tạm giữ CA huyện N
- Chi cục THA dân sự N;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu HS: VA, THAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Sao